

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/ 8/2020

V/v: Ly hôn,T/c nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

N- ỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Khắc Kiêm ;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh .

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ninh Thị Khánh Tân - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 116/2020/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2020 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố T.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, thành phố T.

Tại phiên Tòa các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 5 năm 2020, tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ,tỉnh Thanh Hóa ngày 14/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền N, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 27/01/2015. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị giao cả 02 cháu Nguyễn Thị Huyền N và cháu Nguyễn Khánh N2 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm phát sinh và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh Đ xác định mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2017, vợ chồng sống ly thân khoảng hơn một năm nay. nhưng do hai con còn nhỏ nên anh muốn vợ chồng đoàn tụ và không muốn ly hôn. Nhưng nếu chị L kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền N, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 27/01/2015. Nếu vợ chồng ly hôn, anh đề nghị giao cả 02 cháu Nguyễn Thị Huyền N và cháu Nguyễn Khánh N2 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Và đề nghị anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000đồng/2 cháu/tháng. Anh Đ không đồng ý ly hôn, về con cái anh thống nhất giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huyền N và Nguyễn Khánh N2. Anh cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/ 2 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu thành niên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến :

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm tra viên, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, người liên

quan; thực hiện xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định; Việc giao nhận thông báo thụ lý cho VKS và cho đương sự thực hiện đúng quy định; chấp hành đúng quy định của BLTTDS về thời hạn chuẩn bị xét xử .

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án:

Các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải, tham gia phiên tòa và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được thấy rằng: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ Tiến, huyện Đ Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/8/2012 là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền N, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 27/01/2015. Tại phiên tòa chị L và anh Đ thống nhất giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huyền N và Nguyễn Khánh N2. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Xét việc thỏa thuận của anh chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào Điều 81, 82, 83 luật HNGĐ công nhận sự tự nguyện của anh Đ và chị L.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ-ợc xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa ngày 14/8/2012 là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm và cách sống không phù hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng thiếu tin tưởng nhau, trong cuộc sống vợ chồng thường cãi vã nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, điều này đã được thể hiện qua lời khai của chị L , anh Đ và xác nhận của chính quyền địa phương nơi anh chị cư trú. Nay chị L làm đơn ly hôn anh Đ không đồng ý vì con còn nhỏ. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[3]. Về con chung: Anh Đ và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền N, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 27/01/2015. Tại phiên tòa chị L và anh Đ thống nhất giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huyền N và Nguyễn Khánh N2. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Xét việc thỏa thuận của anh chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con cái, phù hợp với quy định pháp luật, nên căn cứ vào Điều 81,82,83 luật HNGĐ công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56, 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271; 273 BLTTDS. Điều 6, điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần I, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị L và anh Đ, anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền N, sinh ngày 10/01/2013 và cháu Nguyễn Khánh N2, sinh ngày 27/01/2015. Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Thị Huyền N và Nguyễn Khánh N2. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng/ 2 cháu(1.000.000đồng/ cháu/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 8/2020 cho đến khi các cháu thành niên. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở .

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số:A A/2018/0001063 ngày 26/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Chị L đã nộp đủ.

Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ.

Ng- ời đ- ọc thi hành án, ng- ời phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Đ ;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt